

# Bản chất nguyên hợp của văn hoá dân gian qua lễ hội ăn tết - Chol Chnam Thmây của đồng bào Khmer Nam Bộ

HỒNG QUỐC KHÁNH\*

## 1. Đồng bào Khmer Nam Bộ và lễ hội Chol Chnam Thmây

Người Khmer Nam Bộ có cùng gốc với chủng tộc người Khmer ở Campuchia, trải qua nhiều thăng trầm của lịch sử đã biến họ trở thành những tộc người của hai quốc gia. Nam bộ hiện có khoảng hơn 1 triệu người Khmer đang sinh sống, tập trung nhất ở các tỉnh Sóc Trăng: 260 nghìn người, Trà Vinh: 250 nghìn người, Kiên Giang: 120 nghìn người và An Giang là 90 nghìn người...

Cũng như các dân tộc khác ở Việt Nam người Khmer Nam bộ cũng có những lễ hội được truyền từ xưa tới nay. Lễ hội của người Khmer thường gắn với sinh hoạt của cộng đồng và đời người thường gắn với truyền dân gian.

Khác với người Việt, người Hoa, người Khmer ăn tết Chol Chnam Thmây vào

tháng “chet” tức đầu tháng tư dương lịch, thời điểm giao tiếp giữa mùa khô và mùa mưa. Chol tính theo sự vận chuyển của mặt trăng, ghi nhận sự thay đổi bằng tên của con thú, thành một giáp. Chnam tính theo sự vận chuyển của mặt trời, đánh dấu sự bước vào năm mới. Giờ giao thừa luôn thay đổi không có sự cố định như dương lịch. Thời gian diễn ra lễ hội là lúc mùa màng gặt hái xong, trời khô ráo, con người thảnh thơi công việc để vui chơi giải trí. Lễ hội kéo dài trong 3 ngày, cứ 3 năm tết 3 ngày thì lại một năm tết 4 ngày. Ngày đầu của năm được tính là ngày 13 tháng 4 dương lịch, năm nhuận là ngày 14 tháng 4 dương lịch. Ngày đầu tiên của năm mới gọi là ngày “chol sangkran thmây”, ngày giữa gọi là “wonbot” (năm nhuận thì wonbot có 2 ngày), ngày cuối là “lom sakk”.

Người Khmer đón năm mới cũng như

\* Ths. Hồng Quốc Khánh. Sở Văn hoá - Thông tin TP. Cần Thơ

các dân tộc khác nhưng tổ chức và tập tục có khác. Vì người Khmer đều là tín đồ theo đạo Phật nên nghi thức và sinh hoạt vui chơi đều tập trung trong chùa do vậy mọi gia đình đều làm bánh tét, bánh ngọt, hoa quả dâng vào chùa để lễ Phật. Nhiều nhà còn đưa cả gia đình vào ở trong chùa những ngày tết vừa làm công quả, vừa dự lễ. 3 ngày lễ Chol Chnam Thmây được diễn ra như sau:

*Ngày thứ nhất:* 7h sáng hoặc 5h chiều (vào giờ tốt) đồng bào Khmer tắm gội, mặc quần áo đẹp, đem theo đèn hương, lễ vật vào chùa làm lễ rước lịch “mâh sangkran” mới (Maha sangkran là quyển lịch do các vị đại đức thông qua thiên văn soạn dùng cho một năm). Tại chùa, một vị Acha sẽ điều khiển, mọi người xếp hàng theo thứ tự đi vòng quanh chính điện ba lần để làm lễ chào mừng năm mới, đồng thời cũng để xem năm mới tốt hay xấu. Sau lễ rước Maha sangkran, mọi người vào lễ Phật, tụng kinh mừng năm mới. Đến đêm, nhiều người nghe nhà sư thuyết pháp còn thanh niên nam nữ ra sân chùa xem hoặc tham gia các cuộc vui chơi, múa hát.

*Ngày thứ hai:* người Khmer làm lễ dâng cơm sớm và trưa (gọi là ween chông ham” cho các vị sư, sãi trong chùa. Theo tục lệ nhà chùa thì vào các ngày sóc, vọng, lễ các tín đồ đi chùa lễ Phật và mang cơm, thức ăn đến tập hợp lại để mời sư. Trước khi ăn các nhà sư tụng kinh, làm lễ tạ ơn những người làm ra vật thực và đưa vật thực đến những linh hồn thiếu đói. Sau khi ăn các nhà sư lại tụng kinh chúc phúc cho thí chủ.

Vào buổi chiều, nhà chùa tổ chức lễ đắp

núi cát gọi là “Puôn phnon Khsach”. Mọi người tìm cát sạch đem tới đổ thành đống xung quanh đền thờ Phật. Ngoài sân chùa vị Acha hướng dẫn mọi người đắp cát thành những ngọn núi nhỏ ở chín hướng và làm hàng rào bằng tre hoặc cây bao quanh núi cát. Những núi này tượng trưng cho vũ trụ, mỗi núi một hướng và núi thứ chín ở giữa là trung tâm của thế giới. Sau đó, họ làm lễ quy y cho núi và sáng hôm sau làm lễ xuất thế. Tất cả các nghi lễ này gọi là “Anisong puôn phuom khsach” nghĩa là “phúc duyên đắp núi cát”.

*Ngày thứ ba:* ngày lễ tám sư. Sau khi dâng cơm sớm và trưa cho các nhà sư, mọi người đem nước ướp vật có hương thơm cùng nhau đem đến bàn thờ Phật làm lễ tám tượng Phật, sau đó tắm cho các nhà sư cao niên. Sau đó người ta mời các nhà sư đến ngôi tháp dựng hài cốt hoặc đến các mộ ở nghĩa trang làm lễ cầu siêu “băng skôi” cho vong linh những người quá cố. Xong họ về nhà làm lễ tám tượng Phật tại nhà, mời ông bà, cha mẹ đến tạ lỗi, xin tha thứ những lỗi lầm, thiếu sót trong năm cũ rồi đem bánh trái dâng mời ông bà, cha mẹ.

Đêm tối, họ cúng bái Têvôda, tổ chức các cuộc vui chơi, múa hát đến khuya mới kết thúc.

## **2. Bản chất nguyên hợp của văn hoá dân gian qua lễ hội ăn tết Chol Chnam Thmây của người Khmer Nam Bộ**

Lễ hội Chol Chnam Thmây là một tác phẩm của văn hoá dân gian, được lưu truyền trong cộng đồng người Khmer

Nam Bộ cho tới nay. Bản chất nguyên hợp của lễ hội được thể hiện trên 3 phương diện sau:

*Thứ nhất:* Sự nguyên hợp về ý thức xã hội, về sự tiếp biến văn hoá giữa các địa phương, dân tộc và thời đại khác nhau.

Người Khmer cũng như các dân tộc ở vùng Đông Nam Á đều làm nghề trồng lúa nước, nên xã hội cũng gìn giữ nhiều nghi lễ nông nghiệp. Trong nghi lễ nông nghiệp, không thấy có đền đài, thành tượng lúc tế lễ, chỉ khi nào có lễ người ta mới lập bàn thờ. Trong thời kỳ trồng lúa nước, con người quan niệm họ luôn sống gắn với chư thần và thông cảm với chư thần “cha trời, mẹ đất”. Chư thần đầy quyền năng có thể ban phúc hoặc giáng hoạ cho cuộc sống trồng lúa của người nông dân chứ không phải lời nói suông. Lễ hội của người Khmer cũng gắn liền với “phồn thực”, bao giờ việc mưa, nắng, lụt lội, hạn hán... vẫn còn tác động đến mất mùa, đói, no thì các nghi lễ cùng các thần nông nghiệp vẫn còn nguyên giá trị quyền năng của nó.

Lễ hội của người Khmer chịu ảnh hưởng sâu sắc của Phật giáo. Đạo Phật là quốc giáo gắn chặt với đời sống của người Khmer nên lễ hội Chol Chnam Thmây hay các lễ hội khác đều bị chi phối. Mọi lễ hội đều có sự tham gia của sư sãi, tổ chức tại chùa là chính với các lễ tết hoàn toàn theo đạo Phật tiểu thừa: tụng kinh cầu an, cầu phúc, dâng cơm cho sư, dâng lễ vật vào chùa. Ảnh hưởng của Phật giáo quá nặng nên yếu tố dân gian ngày càng bị yếu tố tôn giáo xâm lấn, ngày lễ Chol Chnam Thmây thì chỉ ở chùa là vui, tết

đến nhiều phum, sóc mất đi không khí tưng bừng của ngày đầu năm mới.

Có thể thấy rằng lễ hội Chol Chnam Thmây là một dạng lễ hội cộng đồng gắn với truyền dân gian, chứa đựng nhiều lớp văn hoá thể hiện sự tiếp biến văn hoá giữa các thời đại và dân tộc khác nhau. Trong lễ hội Chol Chnam Thmây vị Acha điều khiển mọi người đi vòng quanh chính điện 3 lần làm lễ chào mừng năm mới, lễ này theo một huyền thoại Balamôn nói về sự chiến thắng của Phật giáo đối với Balamôn giáo. Đó chính là chuyện Thomabal.

Chuyện nói rằng, hoàng tử Thomabal thông minh tài giỏi đã chiến thắng trong cuộc đấu lý với Kabil maha prum (vị thần chuyên xuống trần thuyết pháp dạy đời). Thua cuộc thần tự chặt đầu mình trước khi căn dặn bảy cô con gái hãy để đầu thần trên một khay vàng và đặt tại hang thủy tinh thammialy của núi Kailas trong dãy núi Hy mã Lạp sơn. Từ đó về sau mỗi năm vào ngày thần chết bảy tiên nữ xuống trần vào hang bưng mâm đầu lâu của cha đến núi Tudi, rồi đi vòng quanh chân núi ba lần theo hướng mặt trời mọc. Mỗi năm một cô bưng mâm, nên tính theo số mạng của cô nữ tiên bưng mâm mà biết được năm đó tốt hay xấu.

Ngày nay thay vì rước đầu lâu, người Khmer vào ngày đầu năm mới rước Maha sang kran đi vòng quanh chính điện ba lần theo như huyền thoại.

Ở chi tiết đắp núi cát có thể thấy rằng người Khmer trông nom núi cát vì họ sợ núi bị sạt lở sẽ làm cho mọi người trong phum, sóc bị xui xẻo cả năm. Đằng sau những biểu hiện ma thuật là ý thức cầu

mưa của người Khmer, họ cho rằng đắp núi cát sẽ chắn giữ được các đám mây lại đem mưa cho người dân. Tục đắp núi cát từ đầu có nguồn gốc từ văn hoá núi của người Khmer nhưng đã bị lớp văn hoá khác cài lên. Đạo Bàlamôn cho rằng đắp núi cát là hình ảnh của thế giới, chính giữa là núi Mêru, các ngọn núi khác án theo bốn phương tám hướng, mỗi ngọn đều có tên riêng. Đạo Phật lại giải thích ngọn núi cát tượng trưng cho ngọn tháp preah Cholamoni ở Tavaktung là tầng trời thứ 3, nơi cất giấu mớ tóc của Thích ca cát bỏ lúc trốn nhà đi tìm đạo.

Về “phúc duyên đắp núi cát” cũng có một sự tích lâu đời khác, đó là chuyện về người thợ săn từ trẻ tới già đã giết chết nhiều muông thú, sau này được một nhà sư hướng dẫn tích phúc bằng cách đắp núi cát trong một ngôi chùa gần với nơi ông ở. Về già ông đau yếu và luôn bị ám ảnh thấy bầy muông thú bao vây hành hung đòi nợ oan nghiệt. Do phúc đức đã từng đắp núi cát mà ông bảo muông thú đi đếm hết những hạt cát mà ông đã đắp rồi hãy đòi nợ ông. Muông thú đồng ý, cùng nhau đi đếm cát nhưng không tài nào đếm hết được chán nản chúng bỏ đi và từ đó người thợ săn khỏi bệnh. Từ đó ông cố làm việc thiện, tích đức để chết được lên thiên đàng. Theo tích này đồng bào Khmer vẫn giữ tục đắp núi cát vào đầu năm mới để lấy phúc.

Với những cách giải thích khác nhau về nguồn gốc lễ hội Chol Chnam Thmây có thể thấy mỗi chuyện dân gian là một lớp văn hoá khác nhau, đan xen lên nhau, lên một tín ngưỡng xa xưa của tộc người Khmer. Tết năm mới gắn với tín ngưỡng

dân cư nông nghiệp có sự chồng lên của nhiều lớp văn hoá Bàlamôn, Phật giáo. Người Khmer Nam Bộ chấp nhận sự đan xen ấy vì họ tìm gặp được sự phù hợp với tâm hồn, cái nhìn của dân tộc họ. Đây chính là dấu tích của sự tiếp biến văn hoá của thời đại, thể hiện sự giao lưu, tiếp nhận văn hoá của dân tộc, thời đại khác để làm cái của mình tạo nên bản sắc riêng của dân tộc.

*Thứ hai:* sự nguyên hợp giữa các thành tố văn hoá khác nhau trong lễ hội Chol Chnam Thmây.

Trong lễ hội Chol Chnam Thmây cho thấy sự kết hợp đồng thời giữa các thành tố văn hoá dân gian trong lễ hội như: nghi lễ, tín ngưỡng, trò chơi, nghệ thuật, âm nhạc, ẩm thực...

Ngoài những thành tố văn hoá dân gian, trong lễ hội còn nhiều những hoạt động khác được thể hiện như mỹ thuật, kiến trúc, tất cả những yếu tố dân gian đó tạo nên giá trị thẩm mỹ của lễ hội, tạo nên sự sôi nổi, rộn ràng, tươi vui nhưng vẫn giữ được cái êm dịu, nét truyền thống cộng đồng dân cư nông nghiệp Nam Bộ vừa cần cù lao động vừa hướng tới làm những việc thiện.

*Thứ ba:* sự nguyên hợp trên cơ sở hoạt động thực tiễn và quá trình sáng tạo nghệ thuật. Một tác phẩm văn hoá dân gian sẽ ít có giá trị nếu chỉ xem xét ở góc độ thẩm mỹ nhưng nếu được xem xét trên cả giá trị ích dụng mới thấy hết được giá trị đích thực của tác phẩm.

Lễ hội Chol Chnam Thmây của người Khmer Nam Bộ mang đầy đủ tính nguyên hợp này. Về ý thức, lễ hội gắn liền với tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp

sống với nghề trồng lúa. Tín ngưỡng có sự đan xen của nhiều lớp văn hoá Balamôn, Phật giáo nhưng họ vẫn chấp nhận để tái tạo, sửa sang cho thích nghi với điều kiện, nhu cầu nảy sinh trong thực tiễn của địa phương, của cộng đồng và họ thấy nó phù hợp với cái nhìn suy nguyên về logic, cốt đạo đức, thẩm mỹ với tâm hồn người Khmer Nam Bộ.

Ở một số chùa, tục đắp núi cát được thay bằng đắp núi lúa. Người Khmer tin rằng núi sẽ cản mây đem mưa đến để khởi sự làm mùa. Núi lúa thay núi cát thì ý nghĩa của nó cũng xuất phát từ ý nghĩa mong được mùa thóc lúa dồi dào vô kể. Ở Đồng bằng Sông Cửu Long ngày nay, người Khmer vẫn còn lưu truyền một số truyện kể liên quan tới việc thi đắp núi, đào ao giữa nam và nữ như: ao Bà Om ở Trà Vinh; Giếng Tiên Ông, Tiên Bà ở Vũng Thơm tỉnh Sóc Trăng; Khe Nam, Khe Nữ ở An Giang là những sự tích có liên quan đến việc tìm nguồn nước, nạn hồng thủy ảnh hưởng tới cuộc sống lao động nông nghiệp của người dân Khmer.

Lễ hội Chol Chnam Thmây mang giá trị thẩm mỹ về tín ngưỡng tôn giáo, tín ngưỡng dân gian đồng thời chứa đựng nhiều lớp văn hoá khác nhau thể hiện sự giao lưu, tiếp tiến văn hoá của các thời đại, dân tộc. Lễ hội còn cho thấy giá trị ích dụng của nó như: thời gian tổ chức lễ hội đây là lúc khô ráo, mùa màng gặt hái xong, con người có thời gian, vật chất sau khi đã thu hoạch vụ mùa họ có thể vui chơi, giải trí mà không lo ngại gì. Thời gian này chính là thời gian thư giãn để tái sản xuất, họ bước vào vụ mới với

niềm tin, phấn khởi vụ sau sẽ được mùa hơn vụ trước.

Âm nhạc trong lễ hội Chol Chnam Thmây không những mang lại sự sôi nổi, rộn ràng mà còn thể hiện nhịp sống thực tiễn của cộng đồng trồng lúa nước. Họ vui tươi ca hát quên đi những mệt nhọc như: hát thợ mộc, hát nhổ mạ (chriêng dok Somăn), hát cấy lúa (chriêng Stuôn), hát giã gạo (chriêng Bok sarâu)...

Lễ hội Chol Chnam Thmây là một tác phẩm văn hoá dân gian cần được gìn giữ và lưu truyền trong cộng đồng người Khmer Nam Bộ. Tuy nhiên tộc người Khmer có rất nhiều lễ hội trong năm với quy mô phức tạp, tốn nhiều thời gian, tiền của người dân, ảnh hưởng tới sự phát triển của kinh tế, văn hoá cộng đồng Khmer. Thiết nghĩ, giữ gìn và phát huy cái đẹp truyền thống là vô cùng cần thiết. Nhưng lễ hội của cộng đồng người Khmer cần được cải biến, loại bỏ những nghi thức sao cho phù hợp với xã hội mới, xã hội văn minh nhưng vẫn giữ được tính trang trọng của lễ hội.

Trích lời giáo sư Đinh Gia Khánh thay lời kết: “Hiện nay, cuộc sống mới, hiện đại công nghiệp hoá đang thay đổi nhịp điệu, tức là có nhịp điệu khác với cuộc sống cổ truyền trong đó đã hình thành văn hoá dân gian truyền thống. Vì vậy văn hoá dân gian truyền thống có nhiều phần không thích ứng được với yêu cầu cuộc sống mới của thế hệ trẻ. Nhưng văn hoá dân gian truyền thống vẫn để lại những giá trị rất tốt đẹp, phải kế thừa và phát huy để lối sống mới của chúng ta vừa có tính hiện đại vừa có tính dân tộc”./.